**BÀI 9: NHỮNG BÀI HỌC TỪ TRẢI NGHIỆM ĐAU THƯƠNG**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Ngữ văn; lớp:9

Thời gian thực hiện: (số tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**1.1 Năng lực đặc thù**

* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.
* Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học.
* Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
* Nhận biết được vai trog của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

1.**2. Về năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Năng lực sáng tạo

**2. Về phẩm chất:** Biết giữ gìn niềm tin và tình bạn trong sáng; nhận thức được hoàn cảnh sống của bản thân, gia đình, biết hành xử phù hợp.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

* SGK, SGV
* Một số tranh ảnh liên quan đến bài học
* Máy chiếu
* Giấy ghi chú, bảng nhóm
* PHT

**III. Tiến trình dạy học**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động 1: tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học – hành trình của cảm xúc**

a) Mục tiêu: *- KhơI gợi hứng thú, giúp học sinh xác định được chủ đề bài học*

*- Giúp học sinh hiểu và chia sẻ cảm xúc cá nhân về những trải nghiệm đau thương. Tạo môi trường an toàn và đồng cảm để học sinh cảm thấy thoải mái khi chia sẻ.*

b) Nội dung: *Học sinh viết về một trải nghiệm đau thương đã trải qua hoặc chứng kiến, cùng cảm xúc với nhân vật trong sự kiện đó. (Học sinh không cần ghi tên)*

c) Sản phẩm: *Tờ giấy ghi chú chia sẻ cảm xúc của học sinh*

d) Tổ chức thực hiện:

*- Giáo viên giới thiệu chủ đề “Trải nghiệm từ đau thương” và tầm quan trọng của việc chia sẻ và đối mặt với những cảm xúc khó khăn.*

*- Giáo viên giải thích về mục tiêu và nhấn mạnh rằng đầy là môi trường an toàn để chia sẻ.*

*- Học sinh viết về một trải nghiệm đau thương mà họ trải qua hoặc chứng kiến*

*- Học sinh dán những tờ giấy ghi chú đó lên bảng lớn và đọc những trải nghiệm của học sinh cùng lớp.*

*- Giáo viên khuyến khích học sinh suy nghĩ về cách biến trải nghiệm đau thương thành bài học tích cực trong cuộc sống.*

*(giáo viên giữ lại bảng này và để học sinh rút ra bài học tích cực ở tiết ôn tập)*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. HOẠT ĐỘNG TÌM HIỂU TRI THỨC ĐỌC HIỂU – BI KỊCH**

**1.1 Bi kịch**

a) Mục tiêu: *Bước đầu nhận biết được những đặc điểm của thể loại bi kịch: khái niệm, cốt truyện, nhân vật, hành động, ngôn ngữ trong bi kịch.*

b) Nội dung: *những đặc điểm của thể loại bi kịch: khái niệm, cốt truyện, nhân vật, hành động, ngôn ngữ trong bi kịch.*

c) Sản phẩm: *Thẻ từ khóa và nội dung thuộc từ khóa đó.*

d) Tổ chức thực hiện:

*- Mỗi nhóm học sinh (6 HS), thực hiện một bộ thẻ, mặt (1) ghi thuật ngữ, mặt (2) ghi nội dung thuật ngữ (dùng bút dạ quang tô những từ khóa quan trọng), khuyến khích học sinh trang trí bắt mắt.(Mỗi HS thực hiện 1thẻ thuật ngữ)*

*- Cá nhân HS thực hiện thẻ thuật ngữ*

*- HS lật mặt (2), các HS khác gọi tên thuật ngữ phù hợp.*

*- Giáo viên chấm và cho HS bình chọn bộ thẻ từng nhóm và cộng điểm cộng cho nhóm có bộ thẻ đúng và đẹp nhất.*

*- Giáo viên lấy vài ví dụ trong văn bản kịch để giải thích cho HS hiểu rõ đặc điểm của thể loại bi kịch. Trong quá trình giải thích, GV nên gợi nhắc lại tri thức về hài kịch mà HS đã học ở lớp 8 để nhận rõ những điểm giống và khác nhau giữa hài kịch và bi kịch.*

**1.2 Vai trò của người đọc**

a) Mục tiêu: *Bước đầu nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với đọc hiểu tác phẩm văn học.*

b) Nội dung: *vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.*

c) Sản phẩm: *những từ khóa liên quan đến nội dung trên ở phần Tri thức ngữ văn.*

d) Tổ chức thực hiện:

*HS điền vào chỗ trống:*

|  |
| --- |
| ***Vai trò của người đọc****: Theo quan điểm tiếp nhận văn học hiện đại, các tác phẩm sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ chỉ tồn tại như (1)…………… dưới hình thức VB ngôn từ. Tác phẩm văn học chỉ thực sự tồn tại trong tâm thức của người đọc qua (2) …………. Bằng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống, vốn hiểu biết và trải nghiệm văn học, đặc biệt là khả năng tiếp nhận văn học theo thể loại, người đọc làm sống dậy thế giới hình tượng, “đồng sáng tạo” với tác giả để hiểu nội dung, ý nghĩa của tác phẩm văn học theo cách riêng của mình. Tiếp nhận văn học, vì vậy là (3)……….. giữa người đọc và VB.*  Tác động đến (7) ………… |

*HS trình bày kết quả, HS khác bổ sung (nếu có)*

*GV chốt lại nội dung.*

1. những khả năng, những khơi gọi
2. quá trình tiếp nhận
3. một quá trình chủ động, tương tác tích cực
4. Văn hóa
5. Hoàn cảnh lịch sử
6. Xã hội
7. Việc đọc hiểu tác phẩm văn học của người đọc

**2. HOẠT ĐỘNG ĐỌC VĂN BẢN 1: PƠ-LIÊM, QUỶ RIẾP VÀ HA-NU-MAN**

**2.1 Chuẩn bị đọc**

a) Mục tiêu: *kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB, dự đoán nội dung của VB.*

b) Nội dung: *kiến thức nền liên quan đến VB, dự đoán nội dung của VB.*

c) Sản phẩm: *câu trả lời của HS*

d) Tổ chức thực hiện:

*- HS trả lời câu hỏi mở đầu và báo cáo trước lớp*

*- HS đọc tên VB và dự đoán nhân vật, nội dung của VB*

*- 2,3 HS trình bày ý kiến, HS khác nhận xét, bổ sung.*

*- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học.*

**2.2 Trải nghiệm cùng VB**

a) Mục tiêu: - *Củng cố và luyện tập kĩ năng đọc văn bản (theo dõi, suy luận trong quá trình đọc)*

*- Rèn luyện kĩ năng đọc diễn cảm.*

b) Nội dung: *đọc văn bản và suy luận trong quá trình đọc.*

c) Sản phẩm: giọng *đọc văn bản và suy luận trong quá trình đọc của HS.*

d) Tổ chức thực hiện: *HS đọc VB và suy luận theo khung gợi ý trong VB.*

*- HS đọc diễn cảm một đoạn trích, trả lời câu hỏi trong khung.*

*- GV nhận xét về việc đọc, câu hỏi của HS.*

**2.3 Suy ngẫm và phản hồi**

**2.3.1 Tìm hiểu cốt truyện, xung đột và hành động kịch**

a) Mục tiêu: *Trình bày được cốt truyện, xung đột và hành động kịch*

b) Nội dung: *Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.*

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS trên PHT

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập**   |  |  | | --- | --- | | **Tóm tắt cốt truyện** | | | *Sự việc 1* |  | | *Sự việc 2* |  | | *Sự việc n* |  |   **Xung đột kịch**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | *V/S* |  |   **Xung đột bên trong nhân vật**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | ***Pơ-liêm*** | | | ***Ha-nu-man*** | | | |  | ***V/S*** |  |  | ***V/S*** |  | |

d) Tổ chức thực hiện:

*- Học sinh thực hiện nhóm đôi*

*- 1,2 nhóm HS trả lời, HS khác góp ý, bổ sung*

*- GV chốt ý nội dung:*

***a. Cốt truyện:***

*- Sự kiện 1. Sau khi trở về kinh thành và trị vì vương quốc được một thời gian, vua Pơ-liêm đã tin theo lời đồn đại xấu xa của quỷ riếp, cho rằng hoàng hậu Si-ta đã phản bội mình. Vì thế, ông đã phế ngôi hoàng hậu và xa lánh bà.*

*- Sự kiện 2. Quỷ Riếp biến thành Su-pa-kha lén lút vào cung, chiếm đoạt ngôi vị hoàng hậu, sai Ha-nu-man giết chết So-ta vì tội phản nghịch. Trong lúc nguy nan, một cung nữ đã hi sinh thân mình cứu sống bà. Sự việc được giữ bí mật.*

*- Sự kiện 3.Hoàng hậu Si-ta sống ẩn náu trong rừng, hạ sinh hoàng tử Si-la- con trai của vua Pơ-liêm. Tại kinh thành, vua sống trong niềm day dứt, buông phiền, cô đơn và không ngừng thương nhớ Si-ta.*

*- Sự kiện 4. Một ngày nọ, tại triều đình, Ha-nu-man đã vạch trần âm mưu của quỷ Riếp, giúp vua tỉnh ngộ và hối hạn về sự ghen tuông. Sau đó, Ha-nu-man đã để vua gặp lại hoàng tử Si-la và hoàng hậu Si-ta. Tuy nhiên, lúc ấy, vua và hoàng hậu Si-ta đã thuộc về hai thế giới khác biệt.*

*b. Xung đột kịch*

*- Xung đột bên ngoài:*

*Chính nghĩa*

*(những người yêu quý và bảo vệ Sita, như: Hanuman, thị nữ)*

*Phi nghĩa*

*(tìm cách hãm hại Sita, lũng đoạn triều đình, như: Quỷ Riếp, hoàng hậu Sapukhan)*

*- Xung đột bên trong nhân vật:*

*Pơ-liêm: tinh yêu >< ghen tuông, nghi ngờ*

*Ha-nu-man: khao khát làm người >< giới hạn kiếp thú*

**2.3.2 Tìm hiểu nhân vật, lời thoại**

a) Mục tiêu: *- Nêu được đặc điểm của nhân vật, lời thoại trong tính chỉnh thể của tác phẩm.*

*- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học.*

b) Nội dung: *đặc điểm của nhân vật, lời thoại trong tính chỉnh thể của tác phẩm.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật vua Pơ-liêm (câu 2)** | |
| Tính cách | Nguyên nhân tạo nên cuộc chia li giữa Pơ-liêm và Si-ta |

|  |
| --- |
| Ha-nu-man   * Tính cách * Hành động – suy nghĩ |
| Quỷ Riếp   * Tính cách * Hành động – suy nghĩ |

Lời thoại

|  |  |
| --- | --- |
| **Lời thoại của Si-ta** | **Tính cách của Si-ta** |
| (1) |  |
| (2) |  |
| (3) |  |

c) Sản phẩm: *Câu trả lời thể hiện trên PHT*

d) Tổ chức thực hiện:

- *HS thực hiện các nhiêm vụ theo nhóm (4-6 HS)*

*- Các nhóm trưng bày sản phẩm, so sánh, đối chiếu sản phẩm*

*- GV nhận xét và đánh giá sản phẩm các nhóm.*

*- GV chốt nội dung:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật vua Pơ-liêm (câu 2)** | | |
| Tính cách:   * Chứa đựng nhiều mâu thuẫn * Mắc sai lầm nên phải sống trong cô đơn, dằn vặt * Biết lắng nghe điều phải, biết sửa sai để xứng đáng làm cha và trở thành đấng minh quân | | Nguyên nhân tạo nên cuộc chia li giữa Pơ-liêm và Si-ta:  Nguyên nhân trực tiếp: do sự dèm pha, lừa lọc của quỷ Riếp  Nguyên nhân sâu xa: do sự mâu thuẫn bên trong của vua Pơ-liêm, khi ngự trị trên đỉnh cao quyền lực, vua đã không kiềm chế cảm xúc tiêu cực như ghen tuông, nghi ngờ, vua đã để cho cái ác chi phối, tạo điều kiện cho quỷ Riếp làm điều ác, đây chính là cuộc tranh chấp bên trong con người. |
| Ha-nu-man   * Tính cách: nhân hậu, trung thực, yêu lẽ phải, khao khát trở thành con người * Hành động – suy nghĩ: thận trọng, biết điều phải, trái, đúng sai, cảm thương, chấp nhận nguy hiểm để cứu Si-ta, trung thành với vua, tìm cách cho cha con Pơ-liêm đoàn tụ | | |
| Quỷ Riếp   * Tính cách: hiện thân cho cái ác, dục vọng xấu xa * Hành động – suy nghĩ: hóa thân thành Su-pa-kha hãm hại Si-ta, tiếm ngôi hoàng hậu, | | |
| **Lời thoại của Si-ta** | **Tính cách của Si-ta** | |
| (1) Ha-nu-man. Muộn rồi. Khi tình yêu không thắng nổi nghi ngờ thì mọi sự giải thoát giữa ta và chàng. Ha-nu-man hãy giết ta đi. | Tỉnh táo và nhận ra tình thế khó cứu vãn của mình cũng như những nguyên nhân của tình thế ấy | |
| (2) “ Ha-nu-man, lòng chú trung hậu quá! … nơi đã sinh ra ta từ luống cày đất mẹ yêu thương”. | - Phân biệt được cái thiện và cái ác  - Can đảm và sẵn sàng đón nhận cái chết | |
| (3) “Ha-nu-man … nêu người không giết ta thì người sẽ bị chết..”  - Kìa em …Trời ơi … vì ta mà em phải chết …” | Nhân hậu, không muốn để những người tốt bụng vì mình mà gặp phiền phức | |

**2.3.3 Tìm hiểu chủ đề của văn bản**

a) Mục tiêu: *Nêu được chủ đề của VB*

b) Nội dung: chủ đề của VB

c) Sản phẩm: *Câu trả lời của HS*

d) Tổ chức thực hiện:

- *Học sinh thảo luận nhóm đôi về câu hỏi 5/SGK*

*- 1,2 HS trình bày kết quả thảo luận*

*- GV nhận xét, chốt chủ đề: Cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, nhưng cuối cùng cái thiện chiến thắng cái ác.*

**2.3.4 Luyện tập**

a) Mục tiêu: *củng cố đặc điểm của bi kịch thể hiện trong VB1*

b) Nội dung: *đặc điểm nhân vật trong VB1*

c) Sản phẩm: *câu trả lời của học sinh*

d) Tổ chức thực hiện: *HS thực hiện cá nhân*

*- Đóng vai: mỗi HS chọn 01 nhân vật ấn tượng trong VB để tái hiện lại nhân vật đó (lời thoại, tính cách, ngoại hình nhân vật)*

*- 2-3 HS lên tái hiện nhân vật trong văn bản, HS khác gọi tên nhân vật*

**2.3.5 Liên hệ, vận dụng**

a) Mục tiêu: *qua văn bản, học sinh kết nối được với những trải nghiệm trong cuộc sống để hiểu hơn về bản thân hay các vấn đề trong VB*

b) Nội dung: *câu hỏi 7/SGK*

c) Sản phẩm: *câu trả lời của học sinh*

d) Tổ chức thực hiện:

- *HS thực hiện cá nhân*

*- GV định hướng kết luận*

**Tuần: 29**

**Tiết**: **115, 116**

**Văn bản 2: TÌNH YÊU VÀ THÙ HẬN**

**(Uy-li-am Sếch-xpia)**

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 9

(Thời gian thực hiện: 02 tiết)

**I-/MỤC TIÊU**

**1-/ Về kiến thức:**

- Đặc điểm cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ của kịch – bi kịch.

- Cách đọc kịch – bi kịch.

**2-/ Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

- Năng lực sáng tạo: Hình thành qua việc có cảm nhận mới mẻ về VB.

**2.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: Xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

**\* Lồng ghép ĐĐLS:** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sốngvà cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

**3-/ Về phẩm chất:**

Biết gìn giữ niềm tin và tình bạn trong sáng; nhận thức được hoàn cảnh sống của bản thân, gia đình, biết hành xử phù hợp.

**II-/THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV; Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu; Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm; Phiếu học tập.

**III-/TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:**  Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS xem lại câu trả lời cho câu 6 của VB *Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man*, từ đó và trả lời câu hỏi

? Theo em, cần lưu ý điều gì khi đọc văn bản VB kịch – bi kịch.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ

(như mục nội dung)

**\*Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ:

- HS chia se cảm nghĩ

**\*Bước 3**: Báo cáo, thảo luận:

- GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

- HS trả lời câu hỏi

**\*Bước 4:** Kết luận, nhận định:

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Hoạt động 2.1: Trải nghiệm cùng văn bản**  **a. Mục tiêu:** Đọc diễn cảm VB và sử dụng được các kĩ thuật đọc suy luận, theo dõi khi trả lời các câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB*.  **b. Nội dung:**    (1) HS làm việc theo nhóm đôi, chia sẻ nội dung trả lời câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB* đã chuẩn bị ở nhà;  (2) Sau đó, một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của nhóm HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  (như mục nội dung)  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  **\* Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của HS, cách HS thực hiện kĩ năng suy luận. Sau đó, GV chia sẻ với HS những suy nghĩ của bản thân khi thực hiện các hoạt động theo dõi, suy luận. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  1. Đọc  2. Tìm hiểu chung  a. Tác giả  b. Tác phẩm |
| **\* Hoạt động 2.2: Suy ngẫm và phản hồi**  **a. Mục tiêu:**  **-** Nhận biết được đề tài và nội dung chính của VB.  - Nhận biết được lời độc thoại, đối thoại của nhân vật trong tác phẩm kịch.  **b. Nội dung:**  (1) Xác định đề tài và nội dung bao quát của văn bản?  (2) Hoàn thành PHT số 1   | **Nhân vật** | **Lời đối thoại** | **Lời độc thoại** | | --- | --- | --- | | Giu-li-ét | ………………. | …………………. | | Rô-mê-ô | ………………… | ………….. | | 🡪Tác dụng:………………………………………………… | | |   (3) Liệt kê một số lời thoại thể hiện thái độ đối với người yêu và đối với thế lực ngăn cản tình yêu của Rô-mê-ô, Giu-li-ét. Từ đó, nêu một số điểm tương đồng, khác biệt giữa 2 nhân vật trong cách thể hiện tình yêu.  **PHT số 2**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Lời thoại về người yêu, tình yêu** | **Lời thoại về thế lực ngăn cản tình yêu** | **Thái độ, hành động được thể hiện** | | Rô-mê-ô |  |  |  | | Giu-li-ét |  |  |  | | *Điểm tương đồng* | |  |  | | *Điểm khác biệt* | |  |  |   (4) Hs trả lời câu 4,5/Sgk  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (1)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS dựa vào bảng tiêu chí đánh giá | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Tìm hiểu đề tài, nội dung bao quát của văn bản**  - Đề tài: Tình yêu và thù hận.  - Nội dung bao quát: Câu chuyện tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét, hai nhân vật thuộc hai dòng họ vốn mâu thuẫn với nhau, bị sự ngăn cấm của dòng họ. |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (2)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | 1. **Tìm hiểu lời đối thoại, độc thoại:**   - Lời đối thoại và lời độc thoại của nhân vật Rô-mê-ô, Giu-li-ét: (Sgk)  - Tác dụng của việc sử dụng các lời thoại trong việc thể hiện hành động, tâm lí của nhân vật:  + Lời đối thoại giúp hai nhân vật giao tiếp, giãi bày tình cảm và thái độ của họ với đối phương; thông qua đó, thể hiện tình yêu, ý chí vượt qua mọi rào cản của họ.  + Lời độc thoại: Những lời nói của nhân vật với chính bản thân, bộc lộ nỗi niềm, cảm xúc bên trong. Ví dụ như khi Rô-mê-ô lén vào vườn để ngắm Giu-li-ét hoặc khi Giu-li-ét tự hỏi về dòng họ của Rô-mê-ô, họ đã sử dụng độc thoại để thể hiện cảm xúc riêng của mình. |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (3)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  *\*B3: Báo cáo, thảo luận:*  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  *\*B4: Kết luận, nhận định*:  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.  **\* Lồng ghép ĐĐLS:**  - Biết gìn giữ niềm tin và tình bạn trong sáng; nhận thức được hoàn cảnh sống của bản thân, gia đình, biết hành xử phù hợp.  - Đề cao con người cá nhân, ca ngợi tình yêu tự do, vẻ đẹp trần thế của con người, sống là yêu thương. Tình yêu xóa bỏ thù hận, nối kết tình người, làm cho cuộc sống tươi đẹp hơn, phát triển hơn. | **3. Tìm hiểu cách thể hiện tình yêu giữa các nhân vật chính (Rô-mê-ô, Giu-li-et):**  *\* Điểm tương đồng*: Cả hai nhân vật đều hồn nhiên, có tình yêu mãnh liệt, say đắm, sẵn sàng vượt qua mọi rào cản, thậm chí thay đổi cả danh tính của mình để bảo vệ và khẳng định tình yêu.  *\* Điểm khác biệt:*  - Rô-mê-ô thể hiện tình yêu một cách mãnh liệt, táo bạo và đầy nhiệt huyết.  - Giu-li-ét thể hiện sự trầm tĩnh, có những băn khoăn, dự cảm về những khó khăn, thử thách đang chờ đợi họ. |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  Câu hỏi 4,5/Sgk  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\* B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **4/ Tìm hiểu xung đột kịch:**  - Xung đột: Giữa hai gia tộc Môn-ta-ghiu và Ca-piu-lét.  - Xung đột nội tâm của Rô-mê-ô và Giu-li-ét: Giữa tình yêu mãnh liệt và định kiến gia tộc; giữa niềm hạnh phúc mong manh và dự cảm bất an về tương lai.  - Kiểu xung đột: Giữa cái cao cả (tình yêu) với cái thấp kém (hận thù dòng họ). |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:**  Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Hoàn thành câu hỏi số 7/Sgk

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS làm việc cá nhân.

- GV quan sát, gợi mở (nếu cần).

***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***

- Trình bày cá nhân.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).

***\*B4: Kết luận, nhận định:***

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS. => Chốt kiến thức.

- Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Nêu được những cảm nhận về nhân vật và cách ứng xử của họ trong VB.

**b. Nội dung:** *Hoàn thành câu 8/Sgk*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:

Giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**\*Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ:

Cá nhân thực hiện nhiệm vụ học tập.

**\*Bước 3:** Báo cáo, thảo luận:

- Trình bày cá nhân.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, phản biện (nếu có).

**\*Bước 4:** Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.

Tiết PPCT: *Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**Đọc mở rộng theo thể loại: CÁI BÓNG TRÊN TƯỜNG**

**- Nguyễn Đình Thi -**

**A .MỤC TIÊU**

**I. Về kiến thức**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

– Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

– Nêu được nội dung bao quát của VB; biết phân tích nhân vật, cốt truyện, hành động, lời thoại trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

**II. Năng lực**

1. **Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

1. **Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cái bóng trên tường*.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cái bóng trên tường* .

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nhân vật, cốt truyện, hành động, lời thoại.

1. **Phẩm chất:**

Biết giữ gìn niềm tin, biết hành xử phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Thiết kế bài giảng;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

1. **Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**Mục tiêu**: HS kết nối cuộc sống vào nội dung của bài học.

**Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

(?) Em đã từng bị người khác hiểu lầm chưa? Khi bị người khác hiểu lầm, em sẽ làm gì. Hãy chia sẻ cùng các bạn.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS.

GV dẫn vào bài mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Biết được một số nét khái quát về tác giả, xuất xứ, thể loại của tác phẩm.  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Tiến hành đọc văn bản “Cái bóng trên tường”.  - Nêu được các nét chung về tác giả, xác định được xuất xứ, thể loại,....  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1. Tìm hiểu tác giả**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS trao đổi cặp đôi với bạn cùng bàn về tác giả.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  GV:  - Nhận xét thái độ làm việc HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **1. Tác giả: Nguyễn Đình Thi** |
| **N.vụ 2. Tìm hiểu chung về tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản*  ? Nêu xuất xứ của văn bản?  ? Văn bản thuộc thể loại nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe phần trình bày của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **2. Tác phẩm**  ***a. Đọc – hiểu chú thích***  ***b. Tìm hiểu chung:***  - Xuất xứ: In trong tuyển tập Nguyễn Đình Thi  - Thể loại: Bi kịch |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| **1. Những dấu hiệu nhận biết văn bản thuộc thể loại bi kịch** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: Xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Vận dụng kiến thức trong phần tri thức Ngữ Văn để nhận biết các đặc điểm của bi kịch thể hiện trong văn bản.  **c. Sản phẩm:** HS hoàn thành phiếu học tập số 1  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *?Nêu một số dấu hiệu giúp em nhận biết văn bản trên thuộc thể loại bi kịch*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của thể loại bi kịch** | **Thể hiện trong văn bản “ Cái bóng trên tường** | | **Nhân vật kịch** |  | | **Lời thoại kịch** |  | | **Xung đột kịch** |  | | - Nhân vật: Người chồng, người vợ, đứa con  - Lời thoại kịch : Đối thoại  - Xung đột: Lòng tin yêu của người vợ >< người chồng ít học, đa nghi |
| **2. Cốt truyện và xung đột kịch** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết và chỉ ra đặc điểm của cốt truyện và xung đột kịch được thể hiện trong văn bản  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng kĩ thuật nhóm nhỏ để tìm hiểu cốt truyện và xung đột kịch của văn bản  HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi và trình bày sản phẩm  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp  - GV chuyển giao nhiệm vụ: yêu cầu HS thảo luận theo nhóm trả lời các câu hỏi:  (?) Tóm tắt cốt truyện và xác định xung đột/ kiểu xung đột kịch của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | – Tóm tắt cốt truyện kịch: Người chồng, sau khi từng đi lính ở biên ải, tưởng là đã chết, bỗng nhiên trở về và gặp lại vợ con. Trong lúc đi thăm mộ mẹ, anh nghe con nói về một người bố khác vẫn thường xuyên đến với hai mẹ con. Nghĩ rằng vợ mình đã phản bội, anh đuổi vợ ra khỏi nhà. Người vợ nhảy xuống sông tự tử. Khi biết được sự thật, người chồng hối hận vì đã đối xử tệ với vợ. Đêm đến, khi anh thắp đèn lên, đứa con chỉ lên bóng của anh trên tường và nói đó mới chính là cha nó. Lúc này, người chồng mới hiểu ra rằng vợ mình vẫn luôn chung thuỷ, vì anh mà chịu đựng mọi khổ nhục. Thương xót vợ, người chồng ngã vật xuống và bất tỉnh. Trong cơn mê man, anh trông thấy bóng vợ an ủi mình, nói rằng nàng vẫn luôn ở bên anh qua cái bóng trên tường mỗi khi anh thắp đèn.  – Xung đột của vở kịch *Cái bóng trên tường* là xung đột giữa thói ghen tuông hồ đồ của người chồng với lòng thuỷ chung của người vợ. Đây là kiểu xung đột giữa cái cao cả với cái thấp kém, tạo nên bi kịch của tác phẩm. |
| **3. Nhân vật** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết được đặc điểm của nhân vật trong văn bản.  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi  HS suy nghĩ và làm việc cá nhân, nhóm để hoàn thành PHT số 2  **c. Sản phẩm:** HS hoàn thành phiếu học tập số 2  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi  *(?)Phân tích thái độ, cách ứng xử của nhân vật người chồng và nhân vật người vợ trong văn bản.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức    ***Phiếu học tập số 2***   |  |  | | --- | --- | | ***Nhân vật*** | | | *Người chồng* | *Người vợ* | |  |  | |  |  | | |  |  | | --- | --- | | ***Người chồng*** | ***Người chồng*** | | Ban đầu nghĩ vợ đã phản bội, mạt sát và đuổi vợ ra khỏi nhà. | Chịu đựng sự đối xử nặng nề của chồng, đã tự tử bằng cách nhảy xuống sông. | | Sau khi biết sự thật, ngạc nhiên và hối hận vì đã đối xử quá nặng nề với vợ. | Dù đã ra đi, vẫn hiện diện bên chồng, an ủi và tiếp thêm sức sống cho chồng qua cái bóng trên tường. | |
| **4. Ý nghĩa của hình ảnh “ cái bóng trên tường** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết và phân tích được ý nghĩa của hình ảnh “ cái bóng trên tường ”.  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV** đặt câu hỏi, HS trả lời:  *(?)Phân tích ý nghĩa của hình ảnh “cái bóng trên tường” trong nhan đề và trong các lời thoại dưới đây:*  ***Bóng người vợ****- Cứ mỗi tối, anh thắp đèn, thì em sẽ về, cứ mỗi tối anh thắp đèn lên thì sẽ thấy em. Anh thắp đèn lên, sẽ thấy em (biến đi).*  ***Người chồng****- (tỉnh dậy) Em ơi, chẳng phải riêng một mình anh mà từ nay, hễ có ai thắp đèn buổi tối, trông lên cái bóng trên tường thì sẽ nhìn thấy em.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | -Về nghĩa đen: "cái bóng trên tường" chỉ bóng dáng của con người hắt lên tường bởi ánh đèn.  - Nghĩa ẩn dụ:  + Thứ nhất, "cái bóng trên tường" có thể biểu trưng cho sự ngộ nhận, hiểu lầm và đánh giá sai lầm của người chồng về vợ mình. Những bóng dáng ảo ảnh này đã dẫn đến những hành động hồ đồ, ghen tuông mù quáng, gây ra những hậu quả bi thương.  + Thứ hai, "cái bóng trên tường" có thể được xem là hình ảnh thân thiết, đầm ấm của người vợ, người mẹ. Dù đã ra đi, nàng vẫn hiện diện bên chồng, an ủi và tiếp thêm sức sống cho chồng. Đây là biểu tượng của lòng thương yêu, độ lượng và sự tha thứ, cao cả. |
| **5. Chủ đề và thông điệp của văn bản** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết và chủ đề và thông điệp của văn bản.  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV** đặt câu hỏi, HS trả lời:  *(?) Xác định chủ đề và thông điệp mà tác giả vở kịch muốn gửi đến người xem, người đọc.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | – Chủ đề: Lên án sự hồ đồ, thói ghen tuông dẫn đến bi kịch gia đình.  – Thông điệp: Cần cẩn trọng khi nhìn nhận, xét đoán người khác đồng thời hãy sống độ lượng và biết tha thứ. |
| **III. Tổng kết** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Nội dung:**  - Giá trị hiện thực:  + Tố cáo xã hội phong kiến nam quyền, bất công  + Chiến tranh phi nghĩa loạn lạc đã chia cắt gia đình gây nên bi kịch cho người dân  -Giá trị nhân đạo  + Khẳng định vẻ đẹp truyền thống và phẩm chất của người phụ nữ VN  + Thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến  **2. Nghệ thuật:**  - Xây dựng nhân vật:  + Ngôn ngữ đối thoại, lời tự bạch làm nổi bật tâm lí và tính cách nhân vật  + Nhân vật mang tính điển hình  -Xây dựng tình huống  + Trên cơ sở tình huống có sẵn, tác giả đã thêm bớt diễn biến 🡪 tình huống tăng tính bi kịch  + Ý nghĩa của chi tiết “cái bóng” – chi tiết mở nút, thắt nút  + Vận dụng những yếu tố tưởng tượng kì ảo có tác dụng đặc sắc |

**3. Hoạt đông 3: Luyện tập/ Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò chơi

**c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Giáo viên tổ chức trò chơi qua hệ thống câu hỏi:

**Câu 1**: **Văn “ Cái bóng trên tường” thuộc thể loại nào?**

* Bi kịch

**Câu 2**: **Nhân vật chính trong văn bản là ai?**

* Người chồng, người vợ

**Câu 3**: **Nhân vật người vợ là người như thế nào?**

* Nết na, thùy mị, tư dung tốt đẹp.

**Câu 4**: **Nguyên nhân chính khiến người chồng đẩy người vợ phải chọn cái chết?**

* Ghen tuông quá mức

**Câu 5.** **Nhận xét về số phận người phụ nữ được thể hiện trong văn bản?**

* Oan trái, bất hạnh

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia trò chơi

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**

GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

\* **Dặn dò**:

- Tìm đọc “Truyền kì mạn lục” của Nguyễn Dữ

- Soạn bài: Thực hành Tiếng Việt

**Đọc kết nối chủ điểm: CÁI ROI TRE**

**Nguyễn Vĩnh Tiến**

**Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 9**

**(Thời gian thực hiện: 01 tiết)**

**I-/ MỤC TIÊU**

**1-/ Về kiến thức: Đặc điểm của thể loại, nội dung và nghệ thuật của văn bản.**

**2-/ Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

**- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác để giải quyết vấn đề về văn bản.**

**2.2. Năng lực đặc thù**

**- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.**

**- Liên hệ, kết nối với VB *Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man*, *Tình yêu và thù hận* để hiểu hơn về chủ điểm *Những bài học* *từ trải nghiệm đau thương*.**

**3-/ Phẩm chất:**

**II-/ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**- Sách giáo khoa, Sách giáo viên.**

**- Máy chiếu, máy tính.**

**- Giấy A0 hoặc bảng phụ.**

**- Phiếu học tập.**

**- Tri thức ngữ văn.**

**- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.**

**III-/ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình*.***

**b. Nội dung:**

**Chia sẻ cảm nhận của em về những hình ảnh sau; hoặc nêu suy nghĩ về thước phim bên pp**

****

**c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS**

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

**(như mục nội dung)**

**\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

**- HS tham gia chia sẻ cảm nhận.**

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**- GV động viên tất cả HS trong lớp đều tham gia và nộp lại phiếu cho GV.**

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định**

**- GV nhận xét, khen ngợi HS.**

**- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Hoạt động 2.1.Trải nghiệm cùng văn bản**  **a. Mục tiêu: Đọc, xác định bố cục văn bản.**  **b. Nội dung:**  **- HS đọc VB**  **- Yêu cầu: HS đọc chính xác nội dung; đọc rõ ràng, tốc độ vừa phải.**  **c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS*.***  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  **GV giao nhiệm vụ như mục nội dung**  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  **- HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày:**  ***\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  **- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).**  ***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***  **- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.** | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc**  **2. Tác giả**  **2. Tác phẩm** |
| **2. Hoạt động 2.2: Suy ngẫm và phản hồi**  **a. Mục tiêu:**  **- Báo cáo sản phẩm đọc kết nối chủ điểm.**  **- Nhận biết được một số thông tin chính của VB.**  **b. Nội dung:**  **(1) Nhận xét về cách quan sát, miêu tả cảnh vật của nhân vật “tôi” trong mười dòng thơ đầu.**  **(2) Nhóm 2 HS hoàn thành PHT**     |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Số lần hình ảnh “cái roi tre” được lặp lại** | **Câu thơ có hình ảnh “cái roi tre”** | **Tác dụng** | | **……..** | **…………..** | **……………..** |   **(3) Nêu chủ đề của bài thơ.**  **(4) Tác giả muốn gửi thông điệp gì đến với người đọc?**  **c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS**  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ (như mục nd )**  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Đại diện một nhóm đọc phân vai bài phỏng vấn trước lớp, các HS khác lắng nghe, nhận xét.**  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  **Dựa trên câu trả lời của HS, GV hướng dẫn** | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1/ Cách quan sát, miêu tả cảnh vật của nhân vật “tôi”**  **- Nhân vật “tôi” đã quan sát, cảm nhận, miêu tả sự thay đổi của con người, loài vật, đồ vật xung quanh, khi ông ốm nặng bằng tổng hoà các giác quan:**  **+ Thị giác (*bà ngồi than thở, rễ tre, rễ mít*,...), khứu giác (*hoa nhài nở chẳng còn thơm*), xúc giác (*ấm trà nguội ngắt*), cảm giác (*bữa cơm vội vàng*).**  **+ Bằng cả tấm lòng thương yêu dành cho ông, bằng cả sự lo lắng, bất an trước sự việc rất hệ trọng là ông mình bị ốm.**  **🡪 Tất cả những quan sát, cảm nhận ấy đều bắt nguồn từ sự lo lắng, yêu thương ông sâu sắc của nhân vật "tôi".**  **2/ Hình ảnh "cái roi tre":**  **- Sự lặp lại hình ảnh *cái roi tre* trong bài thơ giúp tô đậm nghĩa biểu tượng của hình ảnh**  **+ Trong tâm trí của nhân vật "tôi", có một "nỗi đau" kiểu "roi tre" – nỗi đau cảm nhận bằng da thịt, cảm nhận tình thương và sự nghiêm khắc của người bố muốn con chăm chỉ học hành;**  **+ Nỗi đau trong lòng trước sự mất mát, khi tai hoạ, bệnh tật ập đến với người thân. Khi đó, không cần roi tre, không cần ai đánh mà vẫn đau.**  **3/ Chủ đề**  **- Nỗi đau và sự bất an trong tâm hồn khi chứng kiến người thân lâm vào tình trạng bệnh nặng.**  **4/ Thông điệp:**  **- Nỗi đau tinh thần do mất mát, bệnh tật của người thân gây ra, sâu sắc và thấm thía hơn nhiều so với nỗi đau thể xác** |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản*.***

**b. Nội dung:** **Em hãy nêu ngắn gọn nội dung của bài học “Cái roi tre”**

**c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh( Tác giả khẳng định, tình cảm lớn giúp con người trưởng thành hơn về mặt đạo đức và xóa bỏ hành động từng được coi là có ý nghĩa giáo dục.)**

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

**- HS trình bày trước lớp**

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.**

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**4. Hoạt động 4: Vận dụng, mở rộng**

**a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.**

**b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của em về vấn đề “thương cho roi cho vọt” liệu có còn phù hợp?**

**c. Sản phẩm học tập:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

**\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.**

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định**

**- GV nhận xét, đánh giá**

|  |
| --- |
| **BIẾN ĐỔI VÀ MỞ RỘNG CẤU TRÚC CÂU**  **(đặc điểm và tác dụng)** |

***\* Thực hành Tiếng Việt:***

1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Năng lực**:

**1.1 Năng lực đặc thù**

Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của việc biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; biến đổi và mở rộng được cấu trúc câu trong giao tiếp.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc nhóm đôi và nhóm trong hoạt động học *Hình thành kiến thức mới* và *Luyện tập*.

**2. Phẩm chất:** Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. KIẾN THỨC**

Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu: Đặc điểm và tác dụng.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. GV**: KHBD; phiếu học tập;...

**2. HS**: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới, SGK, Vở ghi, Vở soạn, trả lời câu hỏi phiếu học tập.

**IV. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

– Kích hoạt được hiểu biết kiến thức nền liên quan đến nội dung bài học.

– Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***b. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: Hãy cho biết những những câu in đậm có đảm bảo cấu trúc chủ ngữ – vị ngữ hay không? Giải thích vì sao.

*+ Anh đang làm gì đấy ? –* ***Đang học.***

*+ Ai làm việc này ? –* ***Bạn Bình.***

*+ Bao giờ bạn về ? –* ***Ngày mai.***

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS lần lượt thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Hai HS trình bày. Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).

*\* Kết luận, nhận định:*

(1) GV ghi nhận những nội dung HS đã biết và muốn tìm hiểu về biến đổi và mở rộng cấu trúc câu: Đặc điểm và tác dụng dưới hình thức từ khoá/ cụm từ trên bảng của lớp.

(2) GV nhận xét câu trả lời của HS; giới thiệu bài học và nhiệm vụ học tập.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được đặc điểm và tác dụng của việc biến đổi và mở rộng cấu  
trúc câu.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS theo nội dung nhiệm vụ học tập.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Nhóm 2 HS lần lượt đọc và so sánh các cặp câu trong các ví dụ 1, 2, 3 của SGK. Từ đó, rút ra các cách biến đổi và mở rộng cấu trúc câu.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo hướng dẫn của GV.  **\* GV dự kiến sản phẩm:** như phần ghi bảng  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  Đại diện ba nhóm HS, mỗi nhóm phân tích một ví dụ, từ đó rút ra cách biển đối và mở rộng cấu trúc câu. Những HS khác lắng nghe, trao đổi.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  GV nhận xét câu trả lời của HS và kết luận: Trong thực tế, để đạt được hiệu quả giao tiếp cao, chúng ta có thể biến đổi và mở rộng cấu trúc câu. GV cần lưu ý thêm cho HS: Các thành phần biệt lập như thành phần gọi – đáp, thành phần cảm thán có thể tách ra tạo thành một câu đặc biệt và ngược lại, các câu đặc biệt dùng để gọi đáp, bộc lộ cảm xúc có thể gộp với câu phía sau để tạo thành một cấu trúc lớn hơn. | **I. Tri thức Tiếng Việt:**  - Trong thực tế, để đạt được hiệu quả giao tiếp cao, chúng ta có thể biến đổi và mở rộng cấu trúc câu.  **1. Thay đổi trật tự các thành phần trong câu.**  *Ví dụ:*  (1a) *Chúng tôi đã nghĩ đến* ***những vấn đề này.***  (1b) ***Những vấn đề này****, chúng tôi đã nghĩ đến.*  🠚 Bổ ngữ ở câu (1a) được đảo lên đầu câu ở câu (1b) để nhấn mạnh thông tin.  \* Lưu ý: Khi thay đổi trật tự các thành phần trong câu, chức năng của các thành phần câu có thể thay đổi  **2. Tách câu.**  *Ví dụ:*  (2a) ***Ôi****, trời lạnh quá!*  (2b) ***Ôi!*** *Trời lạnh quá!*  🠚 Thành phần cảm thán (***ôi***) ở câu (2a) được tách ra tạo thành một câu độc lập để nhấn mạnh cảm xúc của người nói.  **3. Thêm thành phần phụ, dùng cụm từ mở rộng thành phần câu** nhằm cung cấp thêm thông tin về một khía cạnh nào đó.  *Ví dụ:*  (3a) *Nam không đến.*  (3b) ***Hình như hôm nay,*** *Nam không đến.*  🠚 Bổ sung thông tin về thời gian *(hôm nay)*, về cách đánh gía của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu *(hình như)* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**2. Hoạt động khái quát nội dung bài học**

***a. Mục tiêu:***

– Khái quát được nội dung chính của bài học.

– Rút ra được những lưu ý về đặc điểm cơ bản của việc biến đổi và mở rộng cấu trúc câu.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS khái quát về đặc điểm cơ bản của biến đổi và mở rộng cấu trúc câu và tác dụng trong giao tiếp.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS đọc và thực hiện bài tập 1, 2, 3, 4 trong SGK  *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm đôi HS cùng bàn trả lời những câu hỏi sau:  – Em học được những điều gì về việc biến đổi và mở rộng cấu trúc câu?  – Trong giao tiếp, khi dùng biến đổi và mở rộng cấu trúc câu, em rút ra được những lưu ý gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bài tập 1.** **Nhận xét về sự khác biệt về cấu trúc giữa các câu a1 và a2, b1 và b2, c1 và c2 dưới đây. Nêu tác dụng của cấu trúc câu trong từng trường hợp.**  a1. *Để có được những bài học quý, con người thương phải nếm trải nhiều khó khăn, vượt qua nhiều thử thách, thậm chí lâm vào những tình huống, cảnh ngộ bi đát, phải trả giá đắt cho những sai lầm.*  a2. *Con người thường phải nếm trải nhiều khó khăn, vượt qua nhiều thử thách, thậm chí lâm vào những tình huống, cảnh ngộ bi đát, phải trả giá đắt cho những sai lầm để có những bài học quý.*  b1. *Vậy những lẽ dở hay, cả sở thích riêng, ý nguyện riêng, nhà ngươi cũng không có ư?*  (Lưu Quang Thuận – Lưu Quang Vũ*, Nàng Si-ta)*  b2. *Vậy nhà ngươi không có những lẽ dở hay, không có cả sở thích riêng, ý nguyện riêng ư?*  c1. *Tại buổi dạ hội đó, trong y phục của một người hành hương, Rô-mê-ô đã gặp Giu-li-ét và nhận ra rằng đến lúc này chàng mới yêu thật sự.*  c2. *Rô-mê-ô đã gặp Giu-li-ét tại buổi dạ hội đó và nhận ra rằng đến lúc này chàng mới thật sự yêu.*  **Bài tập 2:** Cho câu sau: *“Anh ấy đã xem bộ phim “Rô-mê-ô và Giu-li-ét”.*   1. Thêm các thành phần phụ (trạng ngữ, thành phần phụ chú, thành phần tình thái,… vào câu trên) 2. Nhận xét sự khác biệt về ý nghĩa giữa câu trên và (các) câu em vừa viết.   **Bài tập 3: Đọc đoạn thoại sau và thực hiện yêu cầu bên dưới**  **z5532203055346_47d37003a1d501343081a3103858d3f6**  a. Nhận xét về cấu trúc của câu in đậm trong đoạn trích trên.  b. Nêu tác dụng của việc sử dụng cấu trúc câu ấy.  **Bài tập 4:**  **Đọc lời thoại dưới đây và thực hiện các yêu cầu:**  Pơ-liêm: *Trời ơi, đến hôm nay ta mới được nghe một lời nói, lời nói của chàng trai trẻ. Hỡi chàng trai, em hãy nói nữa đi, nói cho ta nghe nhiều nữa đi.*  (Lưu Quang Thuận – Lưu Quang Vũ, *Nàng Si-ta*)  a. Phân tích cấu trúc các câu in đậm trong lời thoại trên.  b. Viết lại lời thoại trên bằng cách tách/ gộp câu.  c. Nhận xét sự khác biệt về cấu trúc của lời thoại trong đoạn trích trên và phần lời thoại do em viết.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Cá nhân HS thực hiện.  **\* GV dự kiến sản phẩm:** như phần ghi bảng  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  Từ 2 – 4 HS báo cáo kết quả; những HS khác lắng nghe, trao đổi.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm học tập của HS; trên cơ sở đó hướng dẫn HS rút ra lưu ý về những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói. | **II. Thực hành Tiếng Việt**  **Bài tập 1:**  - Cặp câu a1 – a2: Ở câu a1, phần trạng ngữ “để có được những bài học quý” được đặt ở đầu câu, có tác dụng nhấn mạnh thông tin; trong khi đó, ở câu a2, phần thông tin này được đặt ở cuối câu.  - Cặp câu b1 – b2: Bổ ngữ ở câu b2 được đảo vị trí lên đầu câu ở câu b1 với mục đích nhấn mạnh thông tin.  - Cặp câu c1 – c2: So với câu c2, câu c1 có thêm thành phần trạng ngữ “trong y phục của một người hành hương” với mục đích cung cấp thêm thông tin. Ngoài ra, trạng ngữ “tại buổi dạ hội đó” được đưa lên đầu câu c1 nhằm nhấn mạnh thông tin về địa điểm.  **Bài tập 2:**  a. Một số câu đã mở rộng cấu trúc:  *(1) Tối hôm qua, anh ấy đã xem bộ phim “Rô-mê-ô và Giu-li-ét”.*  *(2) Anh ấy đã xem bộ phim “Rô-mê-ô và Giu-li-ét” – một bộ phim chuyển thể từ vở bi kịch cùng tên của nhà văn Sếch-xpia.*  *(3) Ái chà, tối hôm qua, anh ấy đã xem bộ phim “Rô-mê-ô và Giu-li-ét”.*  b. Sự khác biệt về ý nghĩa giữa câu trong đề bài và các câu vừa viết:  Ở câu (1), việc thêm thành phần trạng ngữ “tối hôm qua” có tác dụng bổ sung thông tin về thời gian (so với câu trong đề bài).  Ở câu (2), việc thêm thành phần phụ chú “một bộ phim chuyển thể từ vở bi kịch cùng tên của nhà văn Sếch-xpia” có tác dụng bổ sung thông tin về bộ phim Rô-mê-ô và Giu-li-ét (so với câu trong đề bài).  Ở câu (3), việc thêm thành phần cảm thán “ái chà” có tác dụng bổ sung cảm xúc của người nói đối với thông tin được đề cập trong câu, còn việc thêm thành phần trạng ngữ “tối hôm qua” có tác dụng bổ sung thông tin về thời gian (so với câu trong đề bài).  **Bài tập 3:**  a. Nhận xét: Câu “Gặp ta có việc gì?” là một câu rút gọn.  b. Tác dụng: Việc sử dụng cấu trúc câu rút gọn trong trường hợp này giúp câu ngắn gọn hơn, khiến cho nhịp độ của cuộc đối thoại nhanh hơn.  **Bài tập 4:** GV hướng dẫn HS đọc lời thoại đã cho và thực hiện các yêu cầu.  (1)***Trời ơi!*** là câu đặc biệt dùng để bộc lộ cảm xúc của người nói.  (2)***Hỡi chàng trai*** (thành phần gọi – đáp), ***em*** (CN) / ***hãy nói nữa đi, nói cho ta nghe nhiều nữa đi*** (VN).  b. Viết lại lời thoại bằng cách tách/ gộp câu:  *Gợi ý:* ***Trời ơi,*** *đến hôm nay ta mới được nghe một lời nói, lời nói của chàng trai trẻ.* ***Hỡi chàng trai!*** *Em hãy nói nữa đi, nói cho ta nghe nhiều nữa đi.*  GV cần lưu ý cho HS: Các thành phần biệt lập như thành phần gọi – đáp, thành phần cảm thán có thể tách ra tạo thành một câu đặc biệt *(****Hỡi chàng trai!*** *Em hãy nói nữa đi, nói cho ta nghe nhiều nữa đi.)* và ngược lại, các câu đặc biệt dùng để gọi – đáp, bộc lộ cảm xúc có thể gộp với câu phía sau để tạo thành một cấu trúc lớn hơn *(****Trời ơi****, đến hôm nay ta mới được nghe một lời nói, lời nói của chàng trai trẻ.).*  c. HS nhận xét sự khác biệt giữa cấu trúc của phần lời thoại đã cho và phần lời thoại do HS viết. |

**\* Hướng dẫn HS tự học:**

- Xem lại nội dung bài học và hoàn thành bài tập đã giao.

- Chuẩn bị: **Đọc mở rộng theo thể loại: *Cái bóng trên tường*** (Nguyễn Đình Thi)

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Năng lực**

*1.1. Năng lực đặc thù*

Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

*1.2. Năng lực chung*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ trong học tập.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**2. Phẩm chất**

Có sự quyết đoán và xử sự linh hoạt, hợp tình hợp lí những vấn đề cần giải quyết.

**II. KIẾN THỨC**

- Kiến thức về kiểu bài viết về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

- Cách viết bài văn kể về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, bảng, phấn,...

- SGK, SGV, bảng biểu,...

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết***

a. Mục tiêu: Xác định được nhiệm vụ viết.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

c. Tổ chức thực hiện:

\* Giao nhiệm vụ học tập: HS đọc khung Yêu cầu cần đạt, tên đề mục phần kĩ năng viết và trả lời câu hỏi sau: Ở bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?

\* Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

\* Báo cáo, thảo luận: HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.

\* Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập: Ở bài học này, HS cần viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

***2. Hoạt động giới thiệu tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết***

a. Mục tiêu: Nhận biết được tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết: Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tình huống giao tiếp do GV đặt ra.

c. Tổ chức thực hiện:

\* Giao nhiệm vụ học tập: GV chia lớp thành 3 đội chơi, yêu cầu học sinh trong mỗi đội tìm các tình huống vấn đề cần giải quyết trong thời gian 1 phút suy nghĩ và trình bày lên bảng trong 2 phút, đội nào ghi được nhiều tình huống là đội thắng cuộc.

- Đội 1 : Các tình huống vấn đề cần giải quyết trong học tập.

- Đội 2 : Các tình huống vấn đề cần giải quyết trong sinh hoạt.

- Đội 3 : Các tình huống vấn đề cần giải quyết trong giải trí.

\* Thực hiện nhiệm vụ: 3 đội chơi.

\* Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm HS trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung hoặc tất cả các nhóm cùng dán/ đính câu trả lời lên bảng phụ hoặc ghi trực tiếp lên bảng lớp.

\* Kết luận, nhận định: GV nhận xét sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, hướng dẫn HS tổng hợp vấn đề và giới thiệu vào bài.

GV giới thiệu thêm các tình huống giao tiếp:

- Vấn đề ô nhiễm môi trường: Ô nhiễm không khí, nước, rác thải,...

- Vấn đề an toàn giao thông: Tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông,...

- Vấn đề giáo dục: Bạo lực học đường, học sinh sa sút đạo đức,...

- Vấn đề y tế: Dịch bệnh, tệ nạn xã hội,...

- Vấn đề kinh tế: Thất nghiệp, tệ nạn tham nhũng,...

**Lưu ý:** Đây là hoạt động mở đầu của bài học, vì vậy, GV nên chấp nhận nhiều câu trả lời khác nhau và dẫn dắt vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| ***1. Hoạt động kích hoạt tri thức nền về kiểu bài***  a. Mục tiêu: Kích hoạt được kiến thức đã học về kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.  b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về kiểu bài.  c. Tổ chức thực hiện:  \* Giao nhiệm vụ học tập: Nhóm hai HS thảo luận, viết nhanh ra giấy nội dung trả lời (dưới dạng cụm từ) cho câu hỏi sau (trong vòng 1 phút):  - Em biết gì về kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục?  - Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục, em cần chú ý đến yêu cầu nào?  - Em hãy nêu bố cục bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.  \* Thực hiện nhiệm vụ: Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  \* Báo cáo, thảo luận: Đại diện 2 - 3 nhóm HS trình bày câu trả lời trước lớp.  \* Kết luận, nhận định: Dựa vào một số cụm từ mà HS xác định được (ví dụ: kể lại bằng lời của mình; bố cục gồm ba phần: mở bài, thân bài, kết luận;...), GV giới thiệu hoạt động viết.  GV sử dụng kĩ thuật điền khuyết, yêu cầu học sinh hoàn chỉnh nhận định vào phiếu học tập.  Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết thuộc kiểu bài ………………..(nghị luận xã hội), trong đó người viết nêu ………..…(lí lẽ và bằng chứng) để phân tích một vấn đề cần giải quyết. Từ đó, đưa ra những ………..…….(giải pháp) khả thi, thuyết phục cho vấn đề.  2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản  a. Mục tiêu: Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích VB tham khảo trong SGK.  b. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS về yêu cầu của bài viết *Phòng ngừa "bệnh" nói, viết sáo rỗng*.  c. Tổ chức thực hiện:  \* Giao nhiệm vụ học tập:  (1) HS đọc thầm VB Phòng ngừa "bệnh" nói, viết sáo rỗng trong SGK, chú ý đến những phần được đánh số và khung thông tin tương ứng.  (2) Nhóm học sinh thảo luận, trả lời các câu hỏi ở phần Hướng dẫn phân tích kiểu VB. Cụ thể :  - Nhóm 1 : câu 1. Nhóm 2, 3 : câu 2. Nhóm 4, 5 : câu 3.  - Nhóm 6 : câu 4. Nhóm 7 : câu 5. Nhóm 8 : câu 6.  \* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ.  \* Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm HS trình bày câu trả lời trước lớp. Đối với câu hỏi 2 nhóm thực hiện thì Gv chọn nhóm, nhóm còn lại bổ sung.  \* Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS xác định các yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục theo gợi ý của VB tham khảo. | **I. Kiến thức về kiểu bài**  Xem ở SGK Bài 6 - Những vấn đề toàn cầu  **II. Phân tích kiểu văn bản**  Văn bản : *Phòng ngừa “bệnh” nói, viết sáo rỗng.*  a. Mở bài: Giới thiệu được về “bệnh” nói, viết “sáo rỗng”; tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề  b. Thân bài:   * Giải thích: từ "sáo" * Phân tích vấn đề:   + Thực trạng của “bệnh” nói, viết "sáo rỗng" xuất hiện ở các khẩu hiệu, cách sử dụng từ ngữ của một bộ phận cán bộ trên hội nghị, VB báo cáo, những lúc trà dư tửu hậu,...  + Nguyên nhân: Tâm lí đám đông  - Giải pháp: Tự trang bị cho bản thân bản lĩnh, dũng khí, đạo đức, tri thức, niềm tin khoa học,. học hỏi, trau dồi tiếng Việt  c. Kết bài: Cần nhận thức rõ tác hại của "căn bệnh" này để có giải pháp khắc phục và phòng tránh khả thi |

Câu 1: Bố cục văn bản *Phòng ngừa "bệnh" nói, viết sáo rỗng*

a. Mở bài: Giới thiệu được về “bệnh” nói, viết “sáo rỗng”; tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề

b. Thân bài:

* Giải thích: từ "sáo"
* Phân tích vấn đề:

+ Thực trạng của “bệnh” nói, viết "sáo rỗng" xuất hiện từ xưa cho đến nay.

+ Nguyên nhân, nguồn gốc của việc nói và viết sáo rỗng.

- Giải pháp giải quyết tình trạng nói và viết sáo rỗng.

c. Kết bài: Cần nhận thức rõ tác hại của "căn bệnh" này để có giải pháp khắc phục và phòng tránh khả thi

🡪 Bố cục của văn bản Phòng ngừa bệnh nói, viết sáo rỗng đã đáp ứng đầy đủ các ý kiến của một bài văn giải quyết một vấn đề vì :

Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần giải quyết, tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề

Thân bài: Giải thích vấn đề cần giải quyết; phân tích vấn đề (thực trạng, nguyên nhân, tác hại) và đề xuất các giải pháp khả thi, thuyết phục

Kết bài: Khẳng định lại ý kiến về tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề; nêu bài học cho bản thân (về suy nghĩ, hành động)

**Câu 2:**

- Ở phần thân bài, VB đã triển khai theo trình tự trình bày nhận thức về vấn đề trước, đề xuất giải pháp sau.

+ Nhận thức về vấn đề : Thực trạng bệnh nói và viết sáo rỗng từ xưa cho đến nay, nguyên nhân dẫn đến tình trạng này.

+ Đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề.

- Trình tự mà tác giả lựa chọn có ưu thế trong việc trình bày vấn đề mà VB nêu lên: Sự nhận thức vấn đề càng sâu sắc thì phần giải pháp càng có sức thuyết phục, vấn đề được nhìn nhận một cách tập trung.

**Câu 3 :** GV có thể cho HS lập bảng để chỉ ra một số lí lẽ, bằng chứng.

***a. Luận điểm : Đúng vậy, những câu văn …nghe thì kêu…thường rỗng về nghĩa……***

***Lí lẽ 1*** : Trước đây, bệnh sáo rỗng xuất hiện ở những câu khẩu hiệu rất hoành tráng, xuất hiện ở nhiều nơi.

***Bằng chứng 1*** : ..khẩu hiệu “Quá khứ oanh liệt, hiện tại vẻ vang, tương lai rực rỡ”….

***Lí lẽ 2 :*** Ngày nay, bệnh sáo rỗng tiếp tục lây lan ở nhiêu nơi, nhiều người.

***Bằng chứng 2*** : Ví dụ cán bộ xuống thăm cơ sở…. việc sử dụng từ ngữ 4.0….

***b. Luận điểm : Nguyên nhân dẫn đến tình trạng bệnh sáo rỗng trong nói và viết.***

***Lí lẽ 1*** : ..bắt nguồn từ thói phô trương, ưa hình thức, sính dung từ ngữ to tát mĩ miều để muốn chứng tỏ bản thân là người hiểu biết.

***Bằng chứng 1*** : thành ngữ “thùng rỗng kêu to”…

***Lí lẽ 2 :*** ..một trong những biểu hiện của tâm lí đám đông,…

***Bằng chứng 2*** : suy nghĩ “đa số thắng thiểu số”…

**Câu 4:** Bài viết đã đề xuất những giải pháp cụ thể:

- Giải pháp 1: Tự trang bị cho bản thân bản lĩnh, dũng khí, đạo đức, tri thức, niềm tin khoa học,...

- Giải pháp 2: Học hỏi, trau dồi tiếng Việt.

**Câu 5:** Cách diễn đạt, lời văn của tác giả có tác dụng trong việc trình bày vấn đề:

- Cách diễn đạt và lời văn của tác giả giúp người đọc nhận thức sâu sắc vấn đề cần giải quyết qua những ví dụ cụ thể, sinh động.

- Cách nói thẳng thắn, cương quyết đã tác đọc sâu sắc đến nhận thức của người tiếp nhận. Ví dụ như: "Bệnh " sáo rỗng bắt nguồn sâu xa từ thói phô trương, ưa hình thức, sính dùng từ ngữ to tát, mĩ miều để muốn chứng tỏ bản thân là người hiếu biết. Tuy nhiên, nó chẳng khác nào "thùng rỗng kêu to" - câu thành ngữ nhằm ám chỉ, phê phán những người trình độ hiểu biết hạn chế nhưng lại thích khoe khoang, huênh hoang để cố ra vẻ ta đây giỏi lắm, hay lắm".

**Câu 6:** Những lưu ý khi viết một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết:

- Đảm bảo cấu trúc và bố cục bài viết.

- Chọn lựa các diễn đạt phù hợp với nội dung bài văn nghị luận về một vấn đề cần

giải quyết.

-Thể hiện thái độ dứt khoát, thẳng thắn, trung thực trong quá trình diễn đạt.

|  |  |
| --- | --- |
| Gv yêu cầu học sinh dùng kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy để tổng hợp lại các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng ở phần thân bài.  Học sinh thực hiện, có bổ sung và nhận xét.  GV tổng kết và chốt kiến thức về kiểu bài văn giải quyết một vấn đề. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Hoạt động tìm hiểu quy trình viết**  a. Mục tiêu:  - Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.  - Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.  b. Sản phẩm: Bảng tóm tắt của HS về các thao tác cần thực hiện khi viết bài văn nghị luận.  c. Tổ chức thực hiện:  \* Giao nhiệm vụ học tập: HS đọc phần hướng dẫn quy trình viết trong SGK, điền thông tin vào PHT sau: | **III. Tìm hiểu quy trình viết**  Đề bài : Viết một bài văn nghị luận trình bày một vấn đề cần giải quyết trong đời sống (ví dụ trong học tập, sinh hoạt, giải trí,…)  Bước 1 : Chuẩn bị trước khi viết  - Đề tài :  - Mục đích viết :  - Đối tượng tiếp nhận :  Bước 2 : Tìm ý, lập dàn ý  - Mở bài :  - Thân bài :  - Kết bài :  Bước 3 : Viết bài  Bước 4 : Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| MỤC ĐÍCH TRONG QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN  VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT | | |
| Quy trình viết | | Tác dụng |
| Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết | Xác định đề tài |  |
| Xác định mục đích viết, người đọc |  |
| Thu thập tư liệu |  |
| Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý | Tìm ý |  |
| Lập dàn ý |  |
| Bước 3: Viết bài | Viết bài văn hoàn chỉnh |  |
| Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm | Xem lại và chỉnh sửa |  |
| Rút kinh nghiệm |  |

\* Thực hiện nhiệm vụ: Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

\* Báo cáo, thảo luận: Đại diện 1 - 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận.

\* Kết luận, nhận định: GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng tham khảo sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ  CẦN GIẢI QUYẾT | | |
| Quy trình viết | | Tác dụng |
| Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết | Xác định đề tài | Giúp người viết định hướng được vấn đề cụ thể, thiết thực cần giải quyết và có thể giải quyết |
| Xác định mục đích viết, người đọc | Giúp người viết lựa chọn cách diễn đạt và ngôn ngữ phù hợp |
| Thu thập tư liệu | Giúp chuẩn bị tư liệu nhằm phù hợp với yêu cầu của đề bài |
| Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý | Tìm ý | Giúp phác thảo ý tưởng dựa trên tư liệu và đáp ứng yêu cầu của đề bài |
| Lập dàn ý | Giúp sắp xếp các ý đã tìm theo một trình tự phù hợp với bố cục bài viết nghị luận về một vấn đề cần giải quyết |
| Bước 3: Viết bài | Viết bài văn hoàn chỉnh | Cụ thể hoá ý tưởng và dàn ý thành bài viết |
| Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm | Xem lại và chỉnh sửa | Giúp người viết đối chiếu với bảng kiểm để tự điều chỉnh, làm cho bài viết tốt hơn |
| Rút kinh nghiệm | Giúp nhìn lại quá trình viết của bản than, rút ra bài học kinh nghiệm để có những bài viết tốt hơn trong những lần sau |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

***1.1. Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài***

a. Mục tiêu: Xác định được những nội dung cụ thể cần chuẩn bị cho việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

b. Sản phâm:

- Câu trả lời của HS về việc xác định đề tài, xác định mục đích viết, người đọc, thu thập tư liệu cho việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

- Tìm ý và lập được dàn ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

c. Tổ chức thực hiện:

\* Giao nhiệm vụ học tập:

(1) HS đọc và chọn đề bài theo gợi ý trong SGK.

(2) HS thảo luận, thực hiện các yêu cầu trong SGK (Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết (Xác định đề tài, mục đích viết, người đọc, cách thu thập tư liệu); (Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý (Phác thảo dàn ý cho bài viết)).

\* Thực hiện nhiệm vụ: Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.

\* Báo cáo, thảo luận: Đại diện 2 - 4 nhóm HS trình bày sản phẩm.

\* Kết luận, nhận định: GV nhận xét và hướng dẫn HS dựa vào tri thức về kiểu bài để thực hiện bước 1 và bước 2.

***1.2. Hoạt động làm mẫu thao tác quy trình viết***

a. Mục tiêu: Biết cách thực hiện những thao tác trong quy trình viết.

b. Sản phẩm: Câu hỏi của HS về những thao tác mình chưa biết rõ trong quy trình viết.

c. Tổ chức thực hiện:

\* Giao nhiệm vụ học tập: HS xem lại PHT về quy trình viết đã thực hiện, nêu câu hỏi liên quan đến quy trình viết đó.

\* Thực hiện nhiệm vụ: HS xem lại PHT và ghi ra câu hỏi về những kĩ năng mình chưa rõ.

\* Báo cáo, thảo luận: GV mời 2, 3 HS nêu câu hỏi trước lớp.

\* Kết luận, nhận định: GV tổng hợp các câu hỏi của HS và giải đáp những vấn đề mà nhiều em còn gặp khó khăn, vướng mắc. GV có thể làm mẫu quy trình viết bằng kĩ thuật nói to suy nghĩ để HS hình dung kĩ năng viết một cách trực quan.

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài (thực hiện tại nhà)**

a. Mục tiêu: Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

b. Sản phẩm: Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

\* Giao nhiệm vụ học tập:

(1) HS tìm hiểu Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết ở Bài 6 trong SGK.

(2) HS dựa trên dàn ý để thực hiện viết bài văn.

\* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

\* Báo cáo, thảo luận: HS trình bày bài viết của mình trước lớp.

\* Kết luận, nhận định: Ở hoạt động này, GV chưa nên đánh giá, nhận xét công khai trước lớp về sản phẩm bài viết của HS. Việc này nên được thực hiện sau khi tổ chức cho HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và tự chỉnh sửa bài viết của mình.

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

***3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa***

a. Mục tiêu:

- Biết cách xem lại và chỉnh sửa bài viết của bản thân.

- Nhận xét được bài viết của bạn khác trong lớp.

b. Sản phẩm: Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

\* Giao nhiệm vụ học tập: Nhóm hai HS đổi bài và góp ý bài viết cho nhau dựa vào Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết trong SGK.

\* Thực hiện nhiệm vụ: Nhóm đôi HS cùng thực hiện nhiệm vụ.

\* Báo cáo, thảo luận: Mời ngẫu nhiên hai nhóm HS đọc trước lớp phần đã chỉnh sửa trong bài viết của bạn.

\* Kết luận, nhận định: GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:

- Những ưu điểm và điểm cần chỉnh sửa trong bài viết.

- Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết. Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ để hướng dẫn các em và đưa ra nhận xét.

***3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm***

a. Mục tiêu: Rút ra được kinh nghiệm khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

b. Sản phẩm: Bài học kinh nghiệm của HS về quy trình viết kiểu bài này.

c. Tổ chức thực hiện:

\* Giao nhiệm vụ học tập: HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài.

\* Thực hiện nhiệm vụ: HS ghi lại kinh nghiệm của bản thân.

\* Báo cáo, thảo luận: 1 - 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.

\* Kết luận, nhận định: GV tổng kết, nhận xét, đánh giá.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (THỰC HIỆN TẠI NHÀ)**

a. Mục tiêu:

- Vận dụng được quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục vào việc tạo lập VB.

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

b. Sản phẩm: Bài viết đã được công bố của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

\* Giao nhiệm vụ học tập: Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn và hoàn thành một trong ba nhiệm vụ sau:

- Chỉnh sửa lại bài văn đã viết cho hoàn chỉnh và công bố.

- Chọn một đề tài khác để thực hiện viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

- Sưu tầm một bài viết về kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục, sau đó thực hiện nhận xét, đánh giá, đề xuất điều chỉnh (nếu có).

\* Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện nhiệm vụ học tập.

\* Báo cáo, thảo luận: HS công bố một trong ba loại sản phẩm sau trên blog cá nhân, trang web hoặc bảng học tập của lớp:

- Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục được chỉnh sửa từ bài đã viết trước đó.

- Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục trong VB mới với đề tài khác.

- Bản nhận xét, đánh giá, đề xuất điều chỉnh (nếu có) về bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục mà HS đã sưu tầm được.

\* Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét thái độ tích cực, chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao của HS.

- GV và HS tiếp tục sử dụng Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết để xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm đối với sản phẩm đã được công bố (ví dụ: Nếu bài viết trên blog cá nhân, trên trang web thì có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách bình luận, hoặc các nút điều khiển biểu thị cảm xúc đối với các sản phẩm,...).

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE**

*TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH THỜI SỰ*

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

Nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

**1.2. Năng lực chung**

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

– Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

Giữ sự trung thực khách quan khi phản ánh một vấn đề mang tính thời sự.

**II. KIẾN THỨC**

Cách nắm bắt nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– SGK, SGV.

– Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phấn/ bút lông,...

– PHT,…

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động khởi động**

***a. Mục tiêu:***

– Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến kĩ năng nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

– Xác định được (những) tình huống trong thực tế cần nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về hiểu biết nền liên quan đến kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự và (những) tình huống trong thực tế cần.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm hai HS trả lời các câu hỏi:

– Theo em, làm thế nào để nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự? Cho ví dụ những điều nên và không nên khi thực hiện công việc này.

– Trong những tình huống nào của cuộc sống, chúng ta cần nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các nhóm HS khác góp ý, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

– GV nhận xét, tổng hợp các hiểu biết nền của HS liên quan đến việc thảo luận ý kiến và ghi tóm tắt dưới dạng từ/ cụm từ lên bảng phụ.

– GV ghi nhận các câu trả lời của HS, hướng dẫn HS tổng hợp một số tình huống cần nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự: Khi thảo luận nhóm trong học tập, công việc; khi thực hiện nhiệm vụ được phân công;...

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ nói và nghe**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc phần *Nói và nghe* (trong SGK) và thảo luận để trả lời câu hỏi: Trong bài học này, em sẽ thực hiện hoạt động nói và nghe gì?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt nhiệm vụ nói và nghe: Nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động chuẩn bị cho việc nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự**

***a. Mục tiêu:*** Liệt kê được những thao tác cần thực hiện để chuẩn bị cho nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo lựa chọn cá nhân.

***b. Sản phẩm:*** Danh mục liệt kê những thao tác cần thực hiện để chuẩn bị cho việc nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc phần *Nói và nghe* (trong SGK), liệt kê những thao tác cần thực hiện để chuẩn bị cho việc nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 – 3 HS báo cáo sản phẩm đã thực hiện. Những HS khác trao đổi, góp ý (nếu có) về tính hợp lí, cần thiết của các thao tác đã được liệt kê.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét thái độ tham gia nhiệm vụ học tập của các nhóm HS, hướng dẫn HS kết luận về một số thao tác cần thực hiện để chuẩn bị cho việc nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo định hướng tham khảo sau:

– Thành lập nhóm và phân công nhiệm vụ (số thành viên trong nhóm; phân công nhóm trưởng, thư kí;…).

– Thống nhất mục tiêu, thời gian thảo luận.

– Xác định đối tượng nghe, chọn cách nói để thuyết phục.

**2. Hoạt động làm mẫu cách thức thực hiện cho việc nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách thực hiện thao tác nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

***b. Sản phẩm:*** Bản ghi chú những điều cần lưu ý và câu hỏi về những điều chưa rõ khi quan sát người khác thực hiện thao tác nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

– GV trình chiếu một đoạn video có nội dung: Nhóm HS đang thảo luận, một HS làm nhiệm vụ ghi chép nội dung chính của cuộc thảo luận và trình bày lại.

– HS quan sát, ghi chép những công việc được các thành viên trong nhóm (của đoạn video) tiến hành; nêu câu hỏi về những điều chưa rõ, cần được giải thích thêm (nếu có).

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS trao đổi kết quả ghi chép cho nhau và nêu câu hỏi cho GV.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS thông qua việc quan sát thái độ theo dõi hoạt động làm mẫu và kết quả ghi chép của đại diện một số HS. Sau đó, GV giải đáp thắc mắc của HS (nếu có).

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe**

***a. Mục tiêu:*** Thực hiện được nhiệm vụ trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo lựa chọn cá nhân.

***b. Sản phẩm:*** Bài ghi nhận quy trình của nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo lựa chọn cá nhân.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Thành lập nhóm thảo luận, mỗi nhóm 4 – 6 HS, bầu nhóm trưởng, thư kí và đặt  
tên nhóm.

(2) Các nhóm chọn sự việc cần thảo luận theo định hướng trong SGK.

(3) Tiến hành thảo luận dựa về sự việc đã chọn.

(4) Thư kí ghi biên bản thảo luận.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Các thành viên trình bày ý kiến dưới sự dẫn dắt của nhóm trưởng; đồng thời đối chiếu với *Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự* ở Bài 6 (trong SGK) để tự kiểm soát quá trình trình bày ý kiến của các thành viên trong nhóm.

*\* Kết luận, nhận định*: GV trợ giúp cho từng nhóm, hướng dẫn giải quyết những vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện.

**2. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:***

– Tự đánh giá những ưu điểm và hạn chế cần khắc phục khi trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời và những nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) HS đọc lại *Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề thời sự* ở Bài 6 (trong SGK) để định hướng cách trình bày.

(2) Nêu một điều em đã làm tốt và một điều chưa tốt về kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự; nêu giải pháp khắc phục điều chưa tốt (trình bày trên giấy A0).

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Mỗi nhóm treo sản phẩm lên bảng, cả lớp thảo luận, rút kinh nghiệm.

*\* Kết luận, nhận định:*

– GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS: Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách thảo luận một vấn đề có tính thời sự (ví dụ: Vấn đề HS chọn phải có tính thời sự, vừa tầm với HS; kĩ năng trình bày ý kiến, kĩ năng lắng nghe, tranh luận,...).

– GV giải đáp những thắc mắc của HS (nếu có).

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:***

– Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhận xét cách trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo lựa chọn cá nhân, trong một tình huống giao tiếp thực tế.

– Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

***b. Sản phẩm:*** Bài nhận xét của HS được thực hiện ở nhà.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

– GV giao nhiệm vụ học tập cho HS thực hiện ở nhà:

+ Tìm xem một đoạn video với nội dung nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo lựa chọn cá nhân, sau đó:

– Thông qua nội dung video đã xem, đánh giá được quy trình trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo lựa chọn cá nhân.

– Sau khi hoàn thành, đính/ dán bài nhận xét, đánh giá lên bảng học tập của lớp hoặc chụp hình bài nhận xét, đánh giá đăng tải trên lớp học Google, nhóm Facebook của lớp.

*Lưu ý:* Tuỳ theo điều kiện thực tế của lớp học, GV có thể chọn hình thức giao bài và trình bày sản phẩm học tập sao cho phù hợp.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS nộp bài lên bảng học tập hoặc nhóm Facebook của lớp, dùng bảng kiểm để tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét thái độ thực hiện nhiệm vụ học tập của HS (nộp bài đúng hạn/ không đúng hạn, mức độ tích cực thực hiện hoạt động tự nhận xét, nhận xét lẫn nhau) và sản phẩm học tập (bài nhận xét, đánh giá) của HS.

**E. HOẠT ĐỘNG GIAO BÀI TẬP *ÔN TẬP***

***a. Mục tiêu:*** Thực hiện được các bài tập *Ôn tập* (trong SGK) ở nhà.

***b. Sản phẩm:*** Kết quả thực hiện các bài tập của phần *Ôn tập*.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS thực hiện các bài tập của phần *Ôn tập*.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: Cá nhân HS thực hiện bài tập *Ôn tập* ở nhà.

*\* Báo cáo, thảo luận* và *Kết luận, nhận định:* Thực hiện ở tiết *Ôn tập*.

**ÔN TẬP**

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 9

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

**I-/MỤC TIÊU**

**1-/ Về kiến thức:** Kiến thức về chủ điểm “Những bài học từ trải nghiệm đau thương”.

**2-/ Về năng lực:**

- Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

- HS trình bày thêm ý kiến về câu hỏi lớn đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm.

**3-/ Về phẩm chất:**  Trung thực và có trách nhiệm với ý kiến của mình.

**II-/ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**III-/ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** Kể tên các văn bản mà em đã học ở bài 9.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ** (như mục nội dung)

**\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ :** Cá nhân HS chia sẻ

**\*Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

**\*Bước 4. Kết luận, nhận định:**GV nhận xét, đánh giá

**2. Hoạt động 2: Hệ thống kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà nhằm củng cố lại nội dung bài .  **b. Nội dung:** HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc nhóm.  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **1/ *Liệt kê một số yếu tố của các văn bản kịch*** |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Yếu tố** | ***Pơ-liêm, quỷ Riếp***  ***và Ha-nu-man*** | ***Tình yêu***  ***và thù hận*** | ***Cái bóng***  ***trên tường*** | | Xung đột/ hành động | – Xung đột giữa cái cao cả (con người) với cái thấp kém (ác quỷ)  – Biểu hiện: Xung đột giữa quỷ Riếp – hoàng hậu tiếm ngôi – Su-pa-kha, kẻ sàm tấu, lũng đoạn triều đình, tìm mọi cách hãm hại Si-ta cùng những người yêu quý, bảo vệ Si-ta như Ha-nu-man, thị nữ của Si-ta | – Xung đột giữa cái cao cả (tình yêu) với cái thấp kém (hận thù dòng họ)  – Biểu hiện: Xung đột giữa tình yêu trong sáng, hồn nhiên của đôi trẻ với lòng thù hận lâu đời giữa hai dòng họ; xung đột giữa những cảm xúc yêu thương mãnh liệt với niềm dự cảm, lo ngại tình yêu có thể bị cấm đoán | – Xung đột giữa cái cao cả (sự thuỷ chung, độ lượng) với cái thấp kém (sự bất cẩn, hồ đồ, ghen tuông mù quáng)  – Biểu hiện: Xung đột giữa thói hồ đồ, ghen tuông mù quáng của người chồng với lòng thuỷ chung của người vợ | | Đối thoại, độc thoại | VB dùng đối thoại không dùng độc thoại; nhiều lượt thoại giàu kịch tính hoặc tính triết lí | VB sử dụng nhiều đoạn độc thoại biểu đạt những rung động trong tình yêu của đôi trẻ, giàu hình ảnh, chất thơ | VB sử dụng nhiều lời đối thoại: Vợ chồng đối thoại trực tiếp, chồng đối thoại với cái bóng của vợ; cha đối thoại với con kết hợp với lời độc thoại của người chồng; các lời đối thoại, độc thoại giàu hình ảnh biểu tượng, có ý nghĩa triết lí | | Nội dung câu chuyện | Câu chuyện về sự bại lộ âm mưu của quỷ Riếp và cuộc đoàn tụ của cha con hoàng đế Pơ-liêm | Câu chuyện về cuộc gặp mặt để giãi bày tình yêu giữa Rô-mê-ô và Giu-li-ét | Câu chuyện oan tình liên quan đến những cái bóng trên tường | | |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc nhóm.  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **Câu 2: Điểm giống nhau giữa các nhân vật**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Điểm giống nhau** | **Pơ-liêm trong *Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man*** | **Người đàn ông trong *Cái bóng trên tường*** | | Cách ứng xử với vợ | Chịu sự xui khiến của quỷ và lòng ghen tuông hồ đồ, đối xử bất công, vô lí với vợ (nàng Si-ta) | Vì ghen tuông hồ đồ, mù quáng, đối xử độc đoán, lạnh lùng với vợ (người đàn bà) | | Cách ứng xử với bản thân | Lúc tỉnh ngộ, phải ân hận, trả giá cho sai lầm của mình | Lúc tỉnh ngộ, phải ân hận, trả giá cho sai lầm của mình | |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc nhóm.  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **Câu 3:** Ngôn ngữ đối thoại và độc thoại của Rô-mê-ô và Giu-li-ét  - *Thể hiện tình yêu say đắm và mãnh liệt:* Rô-mê-ô và Giu-li-ét sử dụng những lời lẽ nồng nàn, tha thiết để bày tỏ tình yêu của mình dành cho nhau. Họ trao cho nhau những lời thề, những lời hẹn ước sẽ yêu nhau mãi mãi. Ngôn ngữ của họ thể hiện sự đồng điệu về tâm hồn, sự hoà hợp về tư tưởng.  - *Thể hiện sự đối lập giữa tình yêu và thù hận:* Tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét bị cấm đoán bởi mối thù hận dai dẳng giữa hai gia đình Môn-ta-ghiu và Ca-piu-lét. Ngôn ngữ của họ cũng thể hiện sự đối lập này: Vừa nồng nàn, lãng mạn, vừa bi thương, uất hận.  - *Sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ, so sánh:* Rô-mê-ô thường so sánh Giu-li-ét với những hình ảnh đẹp đẽ trong thiên nhiên như mặt trời. Giu-li-ét cũng so sánh Rô-mê-ô với những chàng trai anh hùng, lãng mạn trong truyền thuyết.  - *Sử dụng ngôn ngữ thơ ca:* Ngôn ngữ đối thoại của Rô-mê-ô và Giu-li-ét có nhiều nhịp điệu, vần điệu, tạo tính nhạc trong lời thoại. Điều này góp phần tăng tính biểu cảm cho ngôn ngữ, làm cho lời thoại của họ thêm da diết, thổn thức.  \* Nhận xét về ngôn ngữ độc thoại của hai nhân vật Rô-mê-ô và Giu-li-ét:  - *Thể hiện tâm trạng và suy nghĩ nội tâm của nhân vật:* Qua những lời độc thoại, Rô-mê-ô và Giu-li-ét bộc lộ tâm trạng, cảm xúc sâu kín của mình. Họ chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn, những hi vọng, lo âu về tình yêu và cuộc sống.  - *Thể hiện sự trưởng thành của nhân vật:* Qua những lời độc thoại, ta có thể thấy được sự trưởng thành của Rô-mê-ô và Giu-li-ét. Họ không còn là những đứa trẻ ngây thơ, mà đã trở nên chín chắn, bản lĩnh hơn.  - *Sử dụng nhiều ngôn ngữ tượng trưng:* Rô-mê-ô và Giu-li-ét thường sử dụng những hình ảnh ẩn dụ, so sánh để thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình. Điều này làm cho lời độc thoại của họ thêm giàu sức gợi và biểu cảm.  🡪 Qua ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của Rô-mê-ô, Giu-li-ét, Sếch-xpia đã biến hai nhân vật này trở thành biểu tượng cho tình yêu đích thực và sự hi sinh trong tình yêu. |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc nhóm.  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **Câu 4:** Biến đổi /mở rộng cấu trúc câu  **-** Câu đơn đầy đủ thành phần:  (1a) *Tôi đi học.*  (2a) *Mưa rơi tí tách.*  - Câu mở rộng thành phần:  (1b) *Tối nay, tôi đi học ngoại ngữ.*  (2b) *Ngoài sân, từng giọt mưa rơi tí tách*  **Câu 5, Câu 6:**  (GV hướng dẫn HS tự trả lời dựa trên trải nghiệm cá nhân.)  *.* |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập – vận dụng (làm ở nhà – sau tiết học)**

**a. Mục tiêu:** Trình bày ý kiến về về chủ điểm *Những bài học từ trải nghiệm đau thương.*

**b. Nội dung:** Tại sao nhiều bài học sâu sắc, quý giá thường được rút ra từ trải nghiệm thực tế đời sống?

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS làm việc cá nhân

***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***

- HS trình bày.

- GV hướng dẫn, gợi mở (nếu cần).

***\*B4: Kết luận, nhận định:***

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

- Ghi điểm cho những câu trả lời đảm bảo nội dung, có thông điệp tích cực.